

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BIÊN HÒA
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **144/2024/HS-ST**
Ngày: 12/3/2024

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BIÊN HÒA – TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Tám

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Văn Chánh

Ông Huỳnh Phi Hồ

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tuyết Nhung – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa tham gia phiên tòa: Ông Võ Hồng Toàn – Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 3 năm 2024, tại Hội trường số 3- trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai, tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 793/2023/TLST-HS ngày 13 tháng 12 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 43/2024/QĐXXST-HS ngày 26 tháng 01 năm 2024, Quyết định hoãn phiên tòa số 139/2024/HSST-QĐ ngày 21/02/2024, đối với:

- Bị cáo:

1. Họ và tên: Mai Văn T; Tên gọi khác: không; Giới tính: Nam; Sinh năm 1984; Nơi cư trú: 2phường L, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai (Nơi đăng ký thường trú: thành phố Hg, tỉnh H); Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: không; Nghề nghiệp: thợ cơ khí; Trình độ học vấn: lớp 09/12; Chức vụ trước khi phạm tội (Đảng, chính quyền, đoàn thể): không; Con ông Mai Văn S, sinh năm 1958 (còn sống) và bà Nguyễn Thị Q, sinh năm 1959 (còn sống); Gia đình có 03 anh em, bị cáo là con thứ 3, có vợ là Vũ Thị Th (sinh năm 1992) và chưa có con. Tiền án, tiền sự: không

Bị cáo bị bắt, tạm giữ ngày 16/8/2023, chuyển tạm giam theo lệnh số 1375 ngày 24/8/2023 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Biên Hòa. Hiện bị cáo đang bị tạm giam tại nhà tạm giữ Công an thành phố Biên Hòa (có mặt).

2. Họ và tên: Nguyễn Văn Th; Tên gọi khác: không; Giới tính: Nam; sinh năm 1985; Nơi cư trú: 2phường L, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai (Nơi đăng ký thường trú: thành phố Hg, tỉnh H); Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: không; Nghề nghiệp: không; Trình độ học vấn: lớp 09/12; Chức vụ trước khi

phạm tội (Đảng, chính quyền, đoàn thể): không; Con ông Nguyễn Văn T1, sinh năm 1960 (còn sống) và bà Phạm Thị M, sinh năm 1962 (còn sống); Gia đình có 03 chị em, bị cáo là con thứ 02, có vợ là Đỗ Thị P (sinh năm 1989) và có 03 con sinh năm 2009, 2011, 2017; Tiền án, tiền sự: không.

Bị cáo bị bắt, tạm giữ ngày 16/8/2023, chuyển tạm giam theo lệnh số 1376 ngày 24/8/2023 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Biên Hòa. Hiện bị cáo đang bị tạm giam tại nhà tạm giữ Công an thành phố Biên Hoà (có mặt).

3. Họ và tên: Nguyễn Văn C; Tên gọi khác: không; Giới tính: Nam; sinh năm 1995; Nơi cư trú: 2phường L, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai (Nơi đăng ký thường trú: thị xã K, tỉnh H); Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: không; Nghề nghiệp: không; Trình độ học vấn: lớp 12/12; Chức vụ trước khi phạm tội (Đảng, chính quyền, đoàn thể): không; Con ông Nguyễn Văn Tr, sinh năm 1967 (còn sống) và bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1969 (còn sống); Gia đình có 02 chị em, bị cáo là con thứ 02 và chưa có vợ con; Tiền án, tiền sự: không

Bị cáo bị bắt, tạm giữ ngày 16/8/2023, chuyển tạm giam theo lệnh số 1377 ngày 24/8/2023 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Biên Hòa. Hiện bị cáo đang bị tạm giam tại nhà tạm giữ Công an thành phố Biên Hoà (có mặt).

4. Họ và tên: Lê Anh T; Tên gọi khác: không; Giới tính: Nam; Sinh năm 1988; Nơi cư trú: 2phường L, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai (Nơi đăng ký thường trú: huyện T, tỉnh H); Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: không; Nghề nghiệp: không; Trình độ học vấn: lớp 12/12; Chức vụ trước khi phạm tội (Đảng, chính quyền, đoàn thể): không; con ông Lê Đình Đ, sinh năm 1957 (đã chết) và bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1957 (còn sống); Bị cáo là con duy nhất trong gia đình, có vợ là Đỗ Thị Thu H (sinh năm 1993) và có 02 con sinh năm 2015, 2013; Tiền án, tiền sự: không.

Bị cáo bị bắt, tạm giữ ngày 16/8/2023, chuyển tạm giam theo lệnh số 1378 ngày 24/8/2023 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Biên Hòa. Hiện bị cáo đang bị tạm giam tại nhà tạm giữ Công an thành phố Biên Hoà (có mặt).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Nguyễn Thị Thu H, sinh năm 1966; Địa chỉ: thành phố B, tỉnh Đồng Nai (có đơn xin vắng mặt);

2. Ông Trương Hoàng P, sinh năm 1973; Địa chỉ: thành phố B, tỉnh Đồng Nai (có đơn xin vắng mặt);

3. Bà Trần Thị V, sinh năm 1971; Địa chỉ: thành phố Biên Hoà, tỉnh Đồng Nai (vắng mặt).

4. Bà Nguyễn Thị Lệ T, sinh năm 1980; Địa chỉ: huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai (có đơn xin vắng mặt);

5. Ông Phạm Đình H, sinh năm 1995; Địa chỉ: thành phố Biên Hoà, tỉnh Đồng Nai (có đơn xin vắng mặt);

6. Bà Nguyễn Thị Th, sinh năm 1972; Địa chỉ: huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai (vắng mặt);

7. Bà Mai Ngọc D, sinh năm 1973; Địa chỉ: huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai (vắng mặt);

8. Bà Hồ Thị L, sinh năm 1963; Địa chỉ: thành phố Biên Hoà, tỉnh Đồng Nai (có đơn xin vắng mặt);

9. Bà Nguyễn Thị Thu N, sinh năm 1961; thành phố Biên Hoà, tỉnh Đồng Nai (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các T liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

1. Nội dung vụ án.

Từ tháng 3/2023, Mai Văn T rủ Nguyễn Văn Th hoạt động cho vay tiền với lãi suất cao để thu lợi bất chính. Trong quá trình hoạt động cho vay thì T và Th thuê thêm Nguyễn Văn C và Lê Anh T để giúp sức trong việc cho vay và thu tiền. Để tìm người vay tiền T và Th đã in số điện thoại lên các tờ rơi rồi đem đi phát ở các khu vực đông dân cư trong thành phố Biên Hoà, huyện Vĩnh Cửu, huyện Trảng Bom để những người có nhu cầu vay tiền sẽ liên lạc với T và Th. Khi có người vay liên hệ thì T, Th, C, T sẽ đi xác minh thông tin địa chỉ, T sản của người vay. Sau khi xác minh người vay tiền đủ điều kiện thì T và Th sẽ thỏa thuận về việc cho vay tiền, số tiền thực nhận, tiền phí, số tiền góp hàng ngày và số ngày trả góp với mức lãi suất từ 31,58%/tháng đến 71,77%/tháng. Nếu người vay chưa trả hết tiền của lần vay trước mà muốn vay tiếp thì khi cho vay mới người vay vẫn phải trả số tiền còn lại theo thỏa thuận ban đầu và T sẽ trừ luôn số tiền còn lại nên người vay chỉ nhận được số tiền còn lại và xem như lần vay trước đã trả xong. Ngoài ra, tùy từng trường hợp cụ thể giữa T với người vay có thỏa thuận khác nhau về tiền phí, lãi suất, thời hạn trả góp và số tiền trả góp hàng ngày.

Để hoạt động cho vay, T và Th mỗi người dùng 20.000.000 đồng (Hai mươi triệu đồng) làm tiền vốn và T là người quản lý toàn bộ hoạt động cho vay.

Quá trình điều tra xác định từ tháng 3/2023 đến ngày 16/8/2023, T, C, Th, T đã cho 09 người vay tiền trong 51 lần cho vay trên địa bàn thành phố Biên Hoà, huyện Vĩnh Cửu, huyện Trảng Bom, cụ thể:

* Đối với bà Nguyễn Thị Thu H, ngụ tại 30/44, khu phố 8, phường Hố Nai, thành phố Biên Hoà, tỉnh Đồng Nai đã vay 03 khoản với 14 lần như sau:

- Khoản vay 01 (09 lần vay):

+ Ngày 01/4/2023, T và đồng phạm cho bà H vay 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng) với hình thức trả góp mỗi ngày 250.000 đồng (Hai trăm năm mươi nghìn đồng) trong 25 ngày, tổng số tiền bà H phải trả là 6.250.000 đồng (Sáu triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng), tương đương với lãi suất 31,58%/tháng. Khi vay, bà H phải trả tiền phí 250.000 đồng (Hai trăm năm mươi nghìn đồng) nên bà H chỉ

được nhận 4.750.000 đồng (Bốn triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng). Sau khi bà H trả góp được 15 ngày tổng cộng 3.750.000 đồng (Ba triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng), còn nợ 2.500.000 đồng (Hai triệu năm trăm nghìn đồng) thì bà H không có khả năng trả nên đến ngày 15/4/2023 bà H đã vay lần thứ 02, khi cho vay T đã trừ số tiền 2.500.000 đồng (Hai triệu năm trăm nghìn đồng) của lần vay thứ 01 nên lãi suất thực tế trong 15 ngày (từ 01/4/2023 đến 15/4/2023) T và đồng phạm đã thu lợi là 52,63%/tháng, còn số tiền lãi hợp pháp với mức 1,67%/tháng T và đồng phạm được hưởng trong 15 ngày là 39.662 đồng (Ba mươi chín nghìn sáu trăm sáu mươi hai đồng). Trong lần vay này số tiền T và đồng phạm thu lợi bất chính là 1.460.338 đồng (Một triệu bốn trăm sáu mươi nghìn ba trăm ba mươi tám đồng).

+ Ngày 15/4/2023, T và đồng phạm cho bà H vay lần 02 số tiền 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng) với hình thức trả góp mỗi ngày 500.000 đồng (Năm trăm nghìn đồng) trong 25 ngày, tổng số tiền bà H phải trả là 12.500.000 đồng (Mười hai triệu năm trăm nghìn đồng), tương đương với lãi suất 31,58%/tháng. Khi vay, bà H phải trả tiền phí 500.000 đồng (Năm trăm nghìn đồng) và số tiền còn thiếu của lần vay 01 là 2.500.000 đồng (Hai triệu năm trăm nghìn đồng) nên bà H chỉ được nhận 7.000.000 đồng (Bảy triệu đồng). Sau khi trả góp được 15 ngày tổng cộng 7.500.000 đồng (Bảy triệu năm trăm nghìn đồng) còn nợ 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng) thì bà H không có khả năng trả nên đến ngày 30/4/2023 bà H vay lần thứ 03, khi cho vay T đã trừ hết số tiền 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng) bà H còn thiếu của lần vay thứ 02 nên lãi suất thực tế trong 16 ngày (từ 15/4/2023 đến 30/4/2023) là 49,34%/tháng. Số tiền lãi hợp pháp với mức 1,67%/tháng T và đồng phạm hưởng trong 16 ngày là 84.613 đồng (Tám mươi bốn nghìn sáu trăm mười ba đồng). Trong lần vay này số tiền T và đồng phạm thu lợi bất chính là 2.915.387 đồng (Hai triệu chín trăm mười lăm nghìn ba trăm tám mươi bảy đồng).

+ Ngày 30/4/2023, T và đồng phạm cho bà H vay lần 03 số tiền 15.000.000 đồng (Mười lăm triệu đồng) với hình thức trả góp mỗi ngày 750.000 đồng (Bảy trăm năm mươi nghìn đồng) trong 25 ngày và tổng số tiền bà H phải trả là 18.750.000 đồng (Mười tám triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng), tương đương với lãi suất 31,58%/tháng. Khi vay, bà H phải trả tiền phí 750.000 đồng (Bảy trăm năm mươi nghìn đồng) và số tiền còn thiếu của lần vay 02 là 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng) nên bà H được nhận 9.250.000 đồng (Chín triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng). Tuy nhiên, sau khi trả góp được 15 ngày tổng cộng 11.250.000 đồng (Mười một triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng), còn nợ 7.500.000 đồng (Bảy triệu năm trăm nghìn đồng) thì bà H không có khả năng trả nên đến ngày 15/5/2023 bà H vay lần thứ 04, khi cho vay T đã trừ hết số tiền 7.500.000 đồng (Bảy triệu năm trăm nghìn đồng) bà H còn thiếu của lần vay thứ 03 nên lãi suất thực tế trong 16 ngày (từ 30/4/2023 đến 15/5/2023) là 49,34%/tháng. Số tiền lãi hợp pháp với mức 1,67%/tháng T và đồng phạm hưởng trong 16 ngày là 126.920 đồng (Một trăm hai mươi sáu nghìn chín trăm hai mươi đồng). Trong lần vay này số tiền T và đồng phạm thu lợi bất chính là 4.373.080 đồng (Bốn triệu ba trăm bảy mươi ba nghìn không trăm tám mươi đồng).

+ Ngày 15/5/2023, T và đồng phạm cho bà H vay lần 04 số tiền 15.000.000 đồng (Mười lăm triệu đồng) với tiền phí, lãi suất và cách thức trả góp như lần 03. Khi vay, bà H phải trả số tiền còn thiếu của lần vay 03 là 7.500.000 đồng (Bảy triệu năm trăm nghìn đồng) nên bà H được nhận 6.750.000 đồng (Sáu triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng). Sau khi trả góp được 15 ngày tổng cộng 11.250.000 đồng (Mười một triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng) và còn nợ 7.500.000 đồng (Bảy triệu năm trăm nghìn đồng) thì bà H không có khả năng trả nên đến ngày 30/5/2023 bà H vay lần thứ 05 và khi cho vay T đã trừ hết số tiền 7.500.000 đồng (Bảy triệu năm trăm nghìn đồng) bà H còn thiếu của lần vay thứ 04 nên lãi suất thực tế trong 16 ngày (từ 15/5/2023 đến 30/5/2023) là 49,34%/tháng. Số tiền lãi hợp pháp với mức 1,67%/tháng T và đồng phạm hưởng trong 16 ngày là 126.920 đồng (Một trăm hai mươi sáu nghìn chín trăm hai mươi đồng). Trong lần vay này số tiền T và đồng phạm thu lợi bất chính là 4.373.080 đồng (Bốn triệu ba trăm bảy mươi ba nghìn không trăm tám mươi đồng).

+ Ngày 30/5/2023, T và đồng phạm cho bà H vay lần 05 số tiền 15.000.000 đồng (Mười lăm triệu đồng) với tiền phí, lãi suất và cách thức trả góp như lần 03. Khi vay, bà H phải trả số tiền còn thiếu của lần vay 04 là 7.500.000 đồng (Bảy triệu năm trăm nghìn đồng) nên bà H được nhận 6.750.000 đồng (Sáu triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng). Sau khi trả góp được 15 ngày tổng cộng 11.250.000 đồng (Mười một triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng), còn nợ 7.500.000 đồng (Bảy triệu năm trăm nghìn đồng) thì bà H không có khả năng trả nên đến ngày 14/6/2023 bà H đã vay lần thứ 06 và khi cho vay T đã trừ hết số tiền 7.500.000 đồng (Bảy triệu năm trăm nghìn đồng) bà H còn thiếu của lần vay thứ 05 nên lãi suất thực tế trong 16 ngày (từ 30/5/2023 đến 14/6/2023) là 49,34%/tháng. Số tiền lãi hợp pháp với mức 1,67%/tháng T và đồng phạm hưởng trong 16 ngày là 126.920 đồng (Một trăm hai mươi sáu nghìn chín trăm hai mươi đồng). Trong lần vay này số tiền T và đồng phạm thu lợi bất chính là 4.373.080 đồng (Bốn triệu ba trăm bảy mươi ba nghìn không trăm tám mươi đồng).

+ Ngày 14/6/2023, T và đồng phạm cho bà H vay lần 06 số tiền 15.000.000 đồng (Mười lăm triệu đồng) với tiền phí, lãi suất và cách thức trả góp như lần 03. Khi vay, bà H phải trả số tiền còn thiếu của lần vay 05 là 7.500.000 đồng (Bảy triệu năm trăm nghìn đồng) nên bà H được nhận 6.750.000 đồng (Sáu triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng). Sau khi trả góp được 15 ngày tổng cộng 11.250.000 đồng (Mười một triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng), còn nợ 7.500.000 đồng (Bảy triệu năm trăm nghìn đồng) thì bà H không có khả năng trả nên đến ngày 29/6/2023 bà H đã vay lần thứ 07 và khi cho vay T đã trừ hết số tiền 7.500.000 đồng (Bảy triệu năm trăm nghìn đồng) bà H còn thiếu của lần vay thứ 06 nên lãi suất thực tế trong 16 ngày (từ 14/6/2023 đến 29/6/2023) là 49,34%/tháng. Số tiền lãi hợp pháp với mức 1,67%/tháng T và đồng phạm hưởng trong 16 ngày là 126.920 đồng (Một trăm hai mươi sáu nghìn chín trăm hai mươi đồng). Trong lần vay này số tiền T và đồng phạm thu lợi bất chính là 4.373.080 đồng (Bốn triệu ba trăm bảy mươi ba nghìn không trăm tám mươi đồng).

+ Ngày 29/6/2023, T và đồng phạm cho bà H vay lần 07 số tiền 15.000.000 đồng (Mười lăm triệu đồng) với tiền phí, lãi suất và cách thức trả góp như lần 03.

Khi vay, bà H phải trả số tiền còn thiếu của lần vay 06 là 7.500.000 đồng (Bảy triệu năm trăm nghìn đồng) nên bà H được nhận 6.750.000 đồng (Sáu triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng). Sau khi trả góp được 15 ngày tổng cộng 11.250.000 đồng (Mười một triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng), còn nợ 7.500.000 đồng (Bảy triệu năm trăm nghìn đồng) thì bà H không có khả năng trả nên đến ngày 14/7/2023 bà H đã vay lần thứ 08 và khi cho vay T đã trừ hết số tiền 7.500.000 đồng (Bảy triệu năm trăm nghìn đồng) bà H còn thiếu của lần vay thứ 07 nên lãi suất thực tế trong 16 ngày (từ 29/6/2023 đến 14/7/2023) là 49,34%/tháng. Số tiền lãi hợp pháp với mức 1,67%/tháng T và đồng phạm hưởng trong 16 ngày là 126.920 đồng (Một trăm hai mươi sáu nghìn chín trăm hai mươi đồng). Trong lần vay này số tiền T và đồng phạm thu lợi bất chính là 4.373.080 đồng (Bốn triệu ba trăm bảy mươi ba nghìn không trăm tám mươi đồng).

+ Ngày 14/7/2023, T và đồng phạm cho bà H vay lần 08 số tiền 15.000.000 đồng (Mười lăm triệu đồng) với tiền phí, lãi suất và cách thức trả góp như lần 03. Khi vay, bà H phải trả số tiền còn thiếu của lần vay 07 là 7.500.000 đồng (Bảy triệu năm trăm nghìn đồng) nên bà H được nhận 6.750.000 đồng (Sáu triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng). Sau khi trả góp được 15 ngày tổng cộng 11.250.000 đồng (Mười một triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng), còn nợ 7.500.000 đồng (Bảy triệu năm trăm nghìn đồng) thì bà H không có khả năng trả nên đến ngày 29/7/2023 bà H đã vay lần thứ 09 và khi cho vay T đã trừ hết số tiền 7.500.000 đồng (Bảy triệu năm trăm nghìn đồng) bà H còn thiếu của lần vay thứ 08 nên lãi suất thực tế trong 16 ngày (từ 14/7/2023 đến 29/7/2023) là 49,34%/tháng. Số tiền lãi hợp pháp với mức 1,67%/tháng mà T và đồng phạm hưởng trong 16 ngày là 126.920 đồng (Một trăm hai mươi sáu nghìn chín trăm hai mươi đồng). Trong lần vay này số tiền T và đồng phạm thu lợi bất chính là 4.373.080 đồng (Bốn triệu ba trăm bảy mươi ba nghìn không trăm tám mươi đồng).

+ Ngày 29/7/2023, T và đồng phạm cho bà H vay lần 09 số tiền 15.000.000 đồng (Mười lăm triệu đồng) với tiền phí, lãi suất và cách thức trả góp như lần 03. Tuy nhiên, sau khi trả góp được 12 ngày tổng cộng 9.000.000 đồng (Chín triệu đồng), còn nợ 9.750.000 đồng (Chín triệu bảy trăm năm mươi nghìn) thì bà H không có khả năng trả nên đến ngày 10/8/2023 bà H xin vay khoản vay mới và khi cho vay T đã trừ hết số tiền bà H còn thiếu của lần vay này là 9.750.000 đồng (Chín triệu bảy trăm năm mươi nghìn) nên lãi suất thực tế trong 13 ngày (từ 29/7/2023 đến 10/8/2023) là 60,73%/tháng. Số tiền lãi hợp pháp với mức 1,67%/tháng mà T và đồng phạm hưởng trong 13 ngày là 103.122 đồng (Một trăm lẻ ba nghìn một trăm hai mươi hai đồng). Trong lần vay này số tiền T và đồng phạm thu lợi bất chính là 4.396.878 đồng (Bốn triệu ba trăm chín mươi sáu nghìn tám trăm bảy mươi tám đồng).

- Khoản vay 02 (04 lần vay):

+ Ngày 15/6/2023, T và đồng phạm cho bà H vay 20.000.000 đồng (Hai mươi triệu đồng) với hình thức trả góp mỗi ngày 1.000.000 đồng (Một triệu đồng) trong 25 ngày và tổng số tiền bà H phải trả là 25.000.000 đồng (Hai mươi lăm triệu đồng), tương đương với lãi suất 31,58%/tháng. Khi vay, bà H phải trả tiền phí 1.000.000

đồng (Một triệu đồng) nên số tiền bà H được nhận là 19.000.000 đồng (Mười chín triệu đồng). Sau khi trả góp được 15 ngày tổng cộng 15.000.000 đồng (Mười lăm triệu đồng) và còn nợ 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng) thì bà H không có khả năng trả nên đến ngày 30/6/2023 bà H vay lần thứ 02, khi cho vay T đã trừ hết số tiền 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng) bà H còn thiếu của lần vay thứ 01 nên lãi suất thực tế trong 16 ngày (từ 15/6/2023 đến 30/6/2023) là 49,34%/tháng. Số tiền lãi hợp pháp với mức 1,67%/tháng mà T và đồng phạm hưởng trong 16 ngày là 169.226 đồng (Một trăm sáu mươi chín nghìn hai trăm hai mươi sáu đồng). Trong lần vay này số tiền T và đồng phạm thu lợi bất chính là 5.830.774 đồng (Năm triệu tám trăm ba mươi nghìn bảy trăm bảy mươi bốn đồng).

+ Ngày 30/6/2023, T và đồng phạm cho bà H vay lần 02 số tiền 20.000.000 đồng (Hai mươi triệu đồng) với tiền phí, lãi suất và cách thức trả góp như lần 01. Khi vay, bà H phải trả số tiền còn thiếu của lần vay 01 là 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng) nên bà H được nhận 9.000.000 đồng (Chín triệu đồng). Sau khi trả góp được 15 ngày tổng cộng 15.000.000 đồng (Mười lăm triệu đồng) và còn nợ 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng) thì bà H không có khả năng trả nên đến ngày 15/7/2023 bà H vay lần thứ 03, khi cho vay T đã trừ hết số tiền 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng) bà H còn thiếu của lần vay thứ 02 nên lãi suất thực tế trong 16 ngày (từ 30/6/2023 đến 15/7/2023) là 49,34%/tháng. Số tiền lãi hợp pháp với mức 1,67%/tháng T và đồng phạm hưởng trong 16 ngày là 169.226 đồng (Một trăm sáu mươi chín nghìn hai trăm hai mươi sáu đồng). Trong lần vay này số tiền T và đồng phạm thu lợi bất chính là 5.830.774 đồng (Năm triệu tám trăm ba mươi nghìn bảy trăm bảy mươi bốn đồng).

+ Ngày 15/7/2023, nhóm của T cho bà H vay lần 03 số tiền 20.000.000 đồng (Hai mươi triệu đồng) với tiền phí, lãi suất và cách thức trả góp như lần 01. Khi vay, bà H phải trả số tiền còn thiếu của lần vay 02 là 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng) nên bà H được nhận 9.000.000 đồng (Chín triệu đồng). Sau khi trả góp được 15 ngày tổng cộng 15.000.000 đồng (Mười lăm triệu đồng) và còn nợ 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng) thì bà H không có khả năng trả nên đến ngày 30/7/2023 bà H vay lần thứ 04, khi cho vay T đã trừ hết số tiền 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng) bà H còn thiếu của lần vay thứ 03 nên lãi suất thực tế trong 16 ngày (từ 15/7/2023 đến 30/7/2023) là 49,34%/tháng. Số tiền lãi hợp pháp với mức 1,67%/tháng T và đồng phạm hưởng trong 16 ngày là 169.226 đồng (Một trăm sáu mươi chín nghìn hai trăm hai mươi sáu đồng). Trong lần vay này số tiền T và đồng phạm thu lợi bất chính là 5.830.774 đồng (Năm triệu tám trăm ba mươi nghìn bảy trăm bảy mươi bốn đồng).

+ Ngày 30/7/2023, T và đồng phạm cho bà H vay lần 04 số tiền 20.000.000 đồng (Hai mươi triệu đồng) với tiền phí, lãi suất và cách thức trả góp như lần 01. Khi vay, bà H phải trả số tiền còn thiếu của lần vay 03 là 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng) nên bà H được nhận 9.000.000 đồng (Chín triệu đồng). Tuy nhiên, sau khi trả góp được 10 ngày tổng cộng 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng), còn nợ 15.000.000 đồng (Mười lăm triệu đồng) thì bà H không có khả năng trả nên đến ngày 10/8/2023 bà H vay khoản vay mới và khi cho vay T đã trừ hết số tiền 15.000.000 đồng (Mười lăm triệu đồng) bà H còn thiếu của lần vay thứ 04 là

15.000.000 đồng (Mười lăm triệu đồng) nên lãi suất thực tế trong 12 ngày (từ 30/7/2023 đến 10/8/2023) là 65,79%/tháng. Số tiền lãi hợp pháp với mức 1,67%/tháng T và đồng phạm hưởng trong 12 ngày là 126.920 đồng (Một trăm hai mươi sáu nghìn chín trăm hai mươi đồng). Trong lần vay này số tiền T và đồng phạm thu lợi bất chính là 5.873.080 đồng (Năm triệu tám trăm bảy mươi ba nghìn không trăm tám mươi đồng).

- Khoản vay 3 (01 lần vay): Ngày 10/8/2023, T và đồng phạm cho bà H vay 35.000.000 đồng (Ba mươi lăm triệu đồng) với hình thức trả góp mỗi ngày 1.750.000 đồng (Một triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng) trong 25 ngày và tổng số tiền bà H phải trả là 43.750.000 đồng (Bốn mươi ba triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng), tương đương với lãi suất 31,58%/tháng. Khi vay, bà H phải trả tiền phí 1.750.000 đồng (Một triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng) và số tiền còn thiếu của 02 khoản vay ngày 29/7/2023 và 30/7/2023 là 24.750.000 đồng (Hai mươi bốn triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng). Bà H trả góp được 05 ngày với tổng số tiền 8.750.000 đồng (Tám triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng) và còn nợ 35.000.000 đồng (Ba mươi lăm triệu đồng). Số tiền thu lợi bất chính mà T và đồng phạm nhằm đạt được là 10.037.271 đồng (Mười triệu không trăm ba mươi bảy nghìn hai trăm bảy mươi một đồng). Trong lần vay này số tiền T và đồng phạm thu lợi bất chính là 1.750.000 đồng (Một triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng) tiền phí.

* Đối với ông Trương Hoàng P ngụ tại 90/10/40, khu phố 9, phường Tân Hòa, thành phố Biên Hoà vay 04 lần, cụ thể như sau:

- Ngày 30/6/2023, T và đồng phạm cho ông P vay 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng) với hình thức trả góp mỗi ngày 500.000 đồng (Năm trăm nghìn đồng) trong 25 ngày và tổng số tiền ông P phải trả là 12.500.000 đồng (Mười hai triệu năm trăm nghìn đồng), tương đương với lãi suất 31,58%/tháng. Khi vay, ông P phải trả tiền phí 500.000 đồng (Năm trăm nghìn đồng) và đóng tiền trả góp trước 02 ngày là 1.000.000 đồng (Một triệu đồng) nên số tiền ông P được nhận 8.500.000 đồng (Tám triệu năm trăm nghìn đồng). Tuy nhiên, sau khi trả góp được 10 ngày tổng cộng 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng) và còn nợ 7.500.000 đồng (Bảy triệu năm trăm nghìn đồng) thì ông P không có tiền trả nên đến ngày 10/7/2023 ông P vay lần thứ 02, khi cho vay T đã trừ hết số tiền 7.500.000 đồng (Bảy triệu năm trăm nghìn đồng) ông P còn thiếu của lần vay thứ 01 nên lãi suất thực tế trong 11 ngày (từ 30/6/2023 đến 10/7/2023) là 71,77%/tháng. Số tiền lãi hợp pháp với mức 1,67%/tháng T và đồng phạm được hưởng trong 11 ngày là 58.171 đồng (Năm mươi tám nghìn một trăm bảy mươi một đồng). Trong lần vay này số tiền T và đồng phạm thu lợi bất chính là 2.941.829 đồng (Hai triệu chín trăm bốn mươi một nghìn tám trăm hai mươi chín đồng).

- Ngày 10/7/2023, T và đồng phạm cho ông P vay lần 02 số tiền 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng) với tiền phí, lãi suất và cách thức trả góp như lần 01. Khi vay, ông P phải trả số tiền còn thiếu của lần vay 01 là 7.500.000 đồng (Bảy triệu năm trăm nghìn đồng) nên ông P được nhận 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng). Tuy nhiên, sau khi trả góp được 10 ngày tổng cộng 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng) và còn nợ 7.500.000 đồng (Bảy triệu năm trăm nghìn đồng) thì ông P không có

khả năng trả nên đến ngày 20/7/2023 ông P vay lần thứ 03, khi cho vay T đã trừ hết số tiền 7.500.000 đồng (Bảy triệu năm trăm nghìn đồng) ông P còn thiếu của lần vay thứ 02 nên lãi suất thực tế trong 11 ngày (từ 10/7/2023 đến 20/7/2023) là 71,77%/tháng. Số tiền lãi hợp pháp với mức 1,67%/tháng T và đồng phạm hưởng trong 11 ngày là 58.171 đồng (Năm mươi tám nghìn một trăm bảy mươi một đồng). Trong lần vay này số tiền T và đồng phạm thu lợi bất chính là 2.941.829 đồng (Hai triệu chín trăm bốn mươi một nghìn tám trăm hai mươi chín đồng).

- Ngày 20/7/2023, T và đồng phạm cho ông P vay lần 03 số tiền 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng) với tiền phí, lãi suất và cách thức trả góp như lần 01. Khi vay, ông P phải trả số tiền còn thiếu của lần vay 02 là 7.500.000 đồng (Bảy triệu năm trăm nghìn đồng) nên ông P được nhận 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng). Sau khi trả góp được 10 ngày tổng cộng 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng) và còn nợ 7.500.000 đồng (Bảy triệu năm trăm nghìn đồng) thì ông P không có khả năng trả nên đến ngày 04/8/2023 ông P đã vay lần thứ 04, khi cho vay T đã trừ hết số tiền 7.500.000 đồng (Bảy triệu năm trăm nghìn đồng) ông P còn thiếu của lần vay thứ 03 nên lãi suất thực tế trong 16 ngày (từ 20/7/2023 đến 04/8/2023) là 49,34%/tháng. Số tiền lãi hợp pháp với mức 1,67%/tháng T và đồng phạm hưởng trong 16 ngày là 84.613 đồng (Tám mươi bốn nghìn sáu trăm mười ba đồng). Trong lần vay này số tiền T và đồng phạm thu lợi bất chính là 2.915.387 đồng (Hai triệu chín trăm mười lăm nghìn ba trăm tám mươi bảy đồng).

- Ngày 04/8/2023, T và đồng phạm cho ông P vay lần 04 số tiền 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng) với tiền phí, lãi suất và cách thức trả góp như lần 01. Khi vay, ông P phải trả số tiền còn thiếu của lần vay 03 là 7.500.000 đồng (Bảy triệu năm trăm nghìn đồng) nên ông P được nhận 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng). Tuy nhiên, ông P mới trả góp được 12 ngày với tổng số tiền 6.000.000 đồng (Sáu triệu đồng) và còn nợ 6.500.000 đồng (Sáu triệu năm trăm nghìn đồng). Số tiền lãi hợp pháp với mức 1,67%/tháng T và đồng phạm nhằm đạt được là 2.867.792 đồng (Hai triệu tám trăm sáu mươi bảy nghìn bảy trăm chín mươi hai đồng). Trong lần vay này số tiền T và đồng phạm thu lợi bất chính là 500.000 đồng (Năm trăm nghìn đồng) tiền phí.

* Đối với bà Trần Thị V ngụ tại khu phố 2, phường Long Bình, thành phố Biên Hoà vay 05 lần, cụ thể như sau:

- Khoảng tháng 4/2023 (không rõ ngày), T và đồng phạm cho bà V vay 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng) với hình thức trả góp mỗi ngày 250.000 đồng (Hai trăm năm mươi nghìn đồng) trong 25 ngày và tổng số tiền bà V phải trả là 6.250.000 đồng (Sáu triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng), tương đương với lãi suất 31,58%/tháng. Khi vay, bà V phải trả tiền phí 250.000 đồng (Hai trăm năm mươi nghìn đồng) và đóng tiền góp trước 02 ngày là 500.000 đồng (Năm trăm nghìn đồng) nên số tiền bà V được nhận là 4.250.000 đồng (Bốn triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng). Khoản vay này bà V đã trả xong nên số tiền lãi hợp pháp với mức 1,67%/tháng mà T và đồng phạm hưởng trong 25 ngày là 66.104 đồng (Sáu mươi sáu nghìn một trăm lẻ bốn đồng). Trong lần vay này số tiền T và đồng phạm thu lợi

bất chính là 1.433.896 đồng (Một triệu bốn trăm ba mươi ba nghìn tám trăm chín mươi sáu đồng).

- Khoảng tháng 5/2023 (không rõ ngày), T và đồng phạm cho bà V vay lần 02 số tiền 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng) với tiền phí, lãi suất và cách thức trả góp như lần 01. Khoản vay này bà V đã trả xong nên số tiền lãi hợp pháp với mức 1,67%/tháng T và đồng phạm hưởng trong 25 ngày là 66.104 đồng (Sáu mươi sáu nghìn một trăm lẻ bốn đồng). Trong lần vay này số tiền T và đồng phạm thu lợi bất chính là 1.433.896 đồng (Một triệu bốn trăm ba mươi ba nghìn tám trăm chín mươi sáu đồng).

- Khoảng tháng 6/2023 (không rõ ngày), T và đồng phạm cho bà V vay lần 03 số tiền 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng) với tiền phí, lãi suất và cách thức trả góp như lần 01. Khoản vay này bà V đã trả xong nên số tiền lãi hợp pháp với mức 1,67%/tháng T và đồng phạm hưởng trong 25 ngày là 66.104 đồng (Sáu mươi sáu nghìn một trăm lẻ bốn đồng). Trong lần vay này số tiền T và đồng phạm thu lợi bất chính là 1.433.896 đồng (Một triệu bốn trăm ba mươi ba nghìn tám trăm chín mươi sáu đồng).

- Khoảng tháng 7/2023 (không rõ ngày), T và đồng phạm cho bà V vay lần 04 số tiền 4.000.000 đồng (Bốn triệu đồng) với hình thức trả góp mỗi ngày 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) trong 25 ngày và tổng số tiền bà V phải trả là 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng), tương đương với lãi suất 31,58%/tháng. Khi vay, bà V phải trả tiền phí 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) và đóng tiền trả góp trước 02 ngày là 400.000 đồng (Bốn trăm nghìn đồng) nên số tiền bà V được nhận là 3.400.000 đồng (Ba triệu bốn trăm nghìn đồng). Khoản vay này bà V đã trả xong nên số tiền lãi hợp pháp với mức 1,67%/tháng T và đồng phạm hưởng trong 25 ngày là 52.883 đồng (Năm mươi hai nghìn tám trăm tám mươi ba đồng). Trong lần vay này số tiền T và đồng phạm thu lợi bất chính là 1.147.117 đồng (Một triệu một trăm bốn mươi bảy nghìn một trăm mười bảy đồng).

- Khoảng tháng 8/2023 (không rõ ngày), T và đồng phạm cho bà V vay lần 05 số tiền 4.000.000 đồng (Bốn triệu đồng) với tiền phí, lãi suất và cách thức trả góp như lần 04. Bà V trả góp được 16 ngày với tổng số tiền 3.200.000 đồng (Ba triệu hai trăm nghìn đồng) và còn nợ 1.800.000 đồng (Một triệu tám trăm nghìn đồng). Số tiền thu lợi bất chính T và đồng phạm nhằm đạt được là 1.147.117 đồng (Một triệu một trăm bốn mươi bảy nghìn một trăm mười bảy đồng) nhưng trong lần vay này T và đồng phạm chỉ mới thu lợi được 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) tiền phí.

* Đối với bà Nguyễn Thị Lệ T ngụ tại ấp 7, xã Thạnh Phú, huyện Vĩnh Cửu vay 06 lần, cụ thể như sau:

- Ngày 15/5/2023, T và đồng phạm cho bà T vay 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng) với hình thức trả góp mỗi ngày 500.000 đồng (Năm trăm nghìn đồng) trong 25 ngày và tổng số tiền bà T phải trả là 12.500.000 đồng (Mười hai triệu năm trăm nghìn đồng), tương đương với lãi suất 31,58%/tháng. Khi vay, bà T phải trả tiền phí 500.000 đồng (Năm trăm nghìn đồng) nên số tiền bà T được nhận là 9.500.000 đồng (Chín triệu năm trăm nghìn đồng). Tuy nhiên, sau khi trả góp được

15 ngày tổng cộng 7.500.000 đồng (Bảy triệu năm trăm nghìn đồng) và còn nợ 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng) thì bà T không có tiền trả nên đến ngày 01/6/2023 bà T vay lần thứ 02 và khi cho vay T đã trừ hết số tiền 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng) bà T còn thiếu của lần vay thứ 01 nên lãi suất thực tế trong 18 ngày (từ 15/5/2023 đến 01/6/2023) là 43,86%/tháng. Số tiền lãi hợp pháp với mức 1,67%/tháng T và đồng phạm hưởng trong 18 ngày là 95.190 đồng (Chín mươi lăm nghìn một trăm chín mươi đồng). Trong lần vay này số tiền T và đồng phạm thu lợi bất chính là 2.904.810 đồng (Hai triệu chín trăm lẻ bốn nghìn tám trăm mười đồng).

- Ngày 01/6/2023, T và đồng phạm cho bà T vay lần 02 số tiền 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng) với tiền phí, lãi suất và cách thức trả góp như lần 01. Khi vay, bà T phải trả số tiền còn thiếu của lần vay 01 là 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng) nên bà T được nhận 4.500.000 đồng (Bốn triệu năm trăm nghìn đồng). Sau khi trả góp được 15 ngày tổng cộng 7.500.000 đồng (Bảy triệu năm trăm nghìn đồng) và còn nợ 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng) thì bà T không có tiền trả nên đến ngày 15/6/2023 bà T vay lần thứ 03 và khi cho vay T đã trừ hết số tiền 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng) bà T còn thiếu của lần vay thứ 02 nên lãi suất thực tế trong 15 ngày (từ 01/6/2023 đến 15/6/2023) là 52,63%/tháng. Số tiền lãi hợp pháp với mức 1,67%/tháng T và đồng phạm hưởng trong 15 ngày là 79.325 đồng (Bảy mươi chín nghìn ba trăm hai mươi lăm đồng). Trong lần vay này số tiền T và đồng phạm thu lợi bất chính là 2.920.670 đồng (Hai triệu chín trăm hai mươi nghìn sáu trăm bảy mươi đồng).

- Ngày 15/6/2023, T và đồng phạm cho bà T vay lần 03 số tiền 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng) với tiền phí, lãi suất và cách thức trả góp như lần 01. Khi vay, bà T phải trả số tiền còn thiếu của lần vay 02 là 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng) nên bà T được nhận 4.500.000 đồng (Bốn triệu năm trăm nghìn đồng). Tuy nhiên, sau khi trả góp được 15 ngày tổng cộng 7.500.000 đồng (Bảy triệu năm trăm nghìn đồng) và còn nợ 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng) thì bà T không có khả năng trả nên đến ngày 01/7/2023 bà T đã vay lần thứ 04, khi cho vay T đã trừ hết số tiền 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng) bà T còn thiếu của lần vay thứ 03 nên lãi suất thực tế trong 17 ngày (từ 15/6/2023 đến 01/7/2023) là 46,44%/tháng. Số tiền lãi hợp pháp với mức 1,67%/tháng T và đồng phạm hưởng trong 17 ngày là 89.901 đồng (Tám mươi chín nghìn chín trăm lẻ một đồng). Trong lần vay này số tiền T và đồng phạm thu lợi bất chính là 2.910.099 đồng (Hai triệu chín trăm mười nghìn không trăm chín mươi chín đồng).

- Ngày 01/7/2023, T và đồng phạm cho bà T vay lần 04 số tiền 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng) với tiền phí, lãi suất và cách thức trả góp như lần 01. Khi vay, bà T phải trả số tiền còn thiếu của lần vay 03 là 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng) nên bà T được nhận 4.500.000 đồng (Bốn triệu năm trăm nghìn đồng). Tuy nhiên, sau khi trả góp được 15 ngày tổng cộng 7.500.000 đồng (Bảy triệu năm trăm nghìn đồng) và còn nợ 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng) thì bà T không có khả năng trả nên đến ngày 15/7/2023 bà T vay lần thứ 05 và khi cho vay T đã trừ hết số tiền 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng) bà T còn thiếu của lần vay thứ 04 nên lãi suất thực tế trong 15 ngày (từ 01/7/2023 đến 15/7/2023) là 52,63%/tháng. Số tiền lãi hợp pháp với mức 1,67%/tháng T và đồng phạm hưởng trong 15 ngày là 79.325

đồng (Bảy mươi chín nghìn ba trăm hai mươi lăm đồng). Trong lần vay này số tiền T và đồng phạm thu lợi bất chính là 2.920.670 đồng (Hai triệu chín trăm hai mươi nghìn sáu trăm bảy mươi đồng).

- Ngày 15/7/2023, T và đồng phạm cho bà T vay lần 05 số tiền 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng) với tiền phí, lãi suất và cách thức trả góp như lần 01. Khi vay, bà T phải trả số tiền còn thiếu của lần vay 04 là 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng) nên bà T được nhận 4.500.000 đồng (Bốn triệu năm trăm nghìn đồng). Sau khi trả góp được 15 ngày tổng cộng 7.500.000 đồng (Bảy triệu năm trăm nghìn đồng), còn nợ 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng) thì bà T không có khả năng trả nên đến ngày 30/7/2023 bà T vay lần thứ 06, khi cho vay T đã trừ hết số tiền 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng) bà T còn thiếu của lần vay thứ 05 nên lãi suất thực tế trong 16 ngày (từ 15/7/2023 đến 30/7/2023) là 49,34%/tháng. Số tiền lãi hợp pháp với mức 1,67%/tháng T và đồng phạm hưởng trong 16 ngày là 84.613 đồng (Tám mươi bốn nghìn sáu trăm mười ba đồng). Trong lần vay này số tiền T và đồng phạm thu lợi bất chính là 2.915.387 đồng (Hai triệu chín trăm mười lăm nghìn ba trăm tám mươi bảy đồng).

- Ngày 30/7/2023, T và đồng phạm cho bà T vay lần 06 số tiền 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng) với tiền phí, lãi suất và cách thức trả góp như lần 01. Khi vay, bà T phải trả số tiền còn thiếu của lần vay 05 là 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng) nên bà T được nhận 4.500.000 đồng (Bốn triệu năm trăm nghìn đồng). Tuy nhiên, bà T mới trả góp được 16 ngày với tổng số tiền 8.000.000 đồng (Tám triệu đồng) và còn nợ 4.500.000 đồng (Bốn triệu năm trăm nghìn đồng). Trong lần vay này số tiền T và đồng phạm nhằm thu lợi bất chính là 2.867.792 đồng (Hai triệu tám trăm sáu mươi bảy nghìn bảy trăm chín mươi hai đồng) nhưng chỉ mới thu lợi được 500.000 đồng (Năm trăm nghìn đồng) tiền phí.

* Đối với ông Phạm Đình H ngụ tại khu phố 6, phường Tân Hiệp, thành phố Biên Hoà vay 06 lần, cụ thể như sau:

- Khoảng tháng 4/2023 (không rõ ngày), T và đồng phạm cho ông H vay 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng) với hình thức trả góp mỗi ngày 250.000 đồng (Hai trăm năm mươi nghìn đồng) trong 25 ngày và tổng số tiền ông H phải trả là 6.250.000 đồng (Sáu triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng), tương đương với lãi suất 31,58%/tháng. Khi vay, ông H phải trả tiền phí 250.000 đồng (Hai trăm năm mươi nghìn đồng) nên ông H được nhận 4.750.000 đồng (Bốn triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng). Khoản vay này ông H đã trả xong nên số tiền lãi hợp pháp với mức 1,67%/tháng T và đồng phạm hưởng trong 25 ngày là 66.104 đồng (Sáu mươi sáu nghìn một trăm lẻ bốn đồng). Trong lần vay này số tiền T và đồng phạm thu lợi bất chính là 1.433.896 đồng (Một triệu bốn trăm ba mươi ba nghìn tám trăm chín mươi sáu đồng).

- Ngày 01/5/2023, T và đồng phạm cho ông H vay lần 02 số tiền 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng) với hình thức trả góp mỗi ngày 500.000 đồng (Năm trăm nghìn đồng) trong 25 ngày và tổng số tiền ông H phải trả là 12.500.000 đồng (Mười hai triệu năm trăm nghìn đồng), tương đương với lãi suất 31,58%/tháng. Khi vay, ông H phải trả tiền phí 500.000 đồng (Năm trăm nghìn đồng) nên số tiền ông H

được nhận là 9.500.000 đồng (Chín triệu năm trăm nghìn đồng). Sau khi trả góp được 15 ngày tổng cộng 7.500.000 đồng (Bảy triệu năm trăm nghìn đồng) và còn nợ 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng) thì ông H không có khả năng trả nên đến ngày 15/5/2023 ông H vay lần thứ 03, khi cho vay T đã trừ hết số tiền 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng) ông H còn thiếu của lần vay thứ 02 nên lãi suất thực tế trong 15 ngày (từ 01/5/2023 đến 15/5/2023) là 52,63%/tháng. Số tiền lãi hợp pháp với mức 1,67%/tháng T và đồng phạm hưởng trong 15 ngày là 79.325 đồng (Bảy mươi chín nghìn ba trăm hai mươi lăm đồng). Trong lần vay này số tiền T và đồng phạm thu lợi bất chính là 2.920.675 đồng (Hai triệu chín trăm hai mươi nghìn sáu trăm bảy mươi lăm đồng).

- Ngày 15/5/2023, T và đồng phạm cho ông H vay lần 03 số tiền 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng) với tiền phí, lãi suất và cách thức trả góp như lần 02. Khi vay, ông H phải trả tiền còn thiếu của lần vay 02 là 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng) nên số tiền ông H được nhận là 4.500.000 đồng (Bốn triệu năm trăm nghìn đồng). Sau khi trả góp được 15 ngày tổng cộng 7.500.000 đồng (Bảy triệu năm trăm nghìn đồng) và còn nợ 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng) thì ông H không có khả năng trả nên đến ngày 30/5/2023 ông H vay lần thứ 04, khi cho vay T đã trừ hết số tiền 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng) ông H còn thiếu của lần vay thứ 03 nên lãi suất thực tế trong 16 ngày (từ 15/5/2023 đến 30/5/2023) là 49,34%/tháng. Số tiền lãi hợp pháp với mức 1,67%/tháng T và đồng phạm hưởng trong 16 ngày là 84.613 đồng (Tám mươi bốn nghìn sáu trăm mười ba đồng). Trong lần vay này số tiền T và đồng phạm thu lợi bất chính là 2.915.387 đồng (Hai triệu chín trăm mười lăm nghìn ba trăm tám mươi bảy đồng).

- Ngày 30/5/2023, T và đồng phạm cho ông H vay lần 04 số tiền 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng) với tiền phí, lãi suất và cách thức trả góp như lần 02. Khi vay, ông H phải trả tiền còn thiếu của lần vay 03 là 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng) nên số tiền ông H được nhận là 4.500.000 đồng (Bốn triệu năm trăm nghìn đồng). Khoản vay này ông H đã trả xong nên số tiền lãi hợp pháp với mức 1,67%/tháng T và đồng phạm hưởng trong 25 ngày là 132.208 đồng (Một trăm ba mươi hai nghìn hai trăm lẻ tám đồng). Trong lần vay này số tiền T và đồng phạm thu lợi bất chính là 2.867.792 đồng (Hai triệu tám trăm sáu mươi bảy nghìn bảy trăm chín mươi hai đồng).

- Khoảng tháng 7/2023 (không rõ ngày), T và đồng phạm cho ông H vay lần 05 số tiền 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng) với tiền phí, lãi suất và cách thức trả góp như lần 01. Khoản vay này ông H đã trả xong nên số tiền lãi hợp pháp với mức 1,67%/tháng T và đồng phạm hưởng trong 25 ngày là 66.104 đồng (Sáu mươi sáu nghìn một trăm lẻ bốn đồng). Trong lần vay này số tiền T và đồng phạm thu lợi bất chính là 1.433.896 đồng (Một triệu bốn trăm ba mươi ba nghìn tám trăm chín mươi sáu đồng).

- Ngày 09/8/2023, T và đồng phạm cho ông H vay lần 06 số tiền 4.000.000 đồng (Bốn triệu đồng) với hình thức trả góp mỗi ngày 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) trong 25 ngày và tổng số tiền ông H phải trả là 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng), tương đương với lãi suất 31,58%/tháng. Khi vay, ông H phải trả tiền

phí 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) nên số tiền ông H được nhận là 3.800.000 đồng (Ba triệu tám trăm nghìn đồng). Tuy nhiên, ông H mới trả góp được 13 ngày với tổng số tiền 2.600.000 đồng (Hai triệu sáu trăm nghìn đồng) và còn nợ 2.400.000 đồng (Hai triệu bốn trăm nghìn đồng). Trong lần vay này số tiền T và đồng phạm nhằm thu lợi bất chính là 1.147.117 đồng (Một triệu một trăm bốn mươi bảy nghìn một trăm mười bảy đồng) nhưng chỉ mới thu lợi được 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) tiền phí.

* Đối với bà Nguyễn Thị Th, sinh năm 1972; ngụ tại ấp 2, xã Phước Khánh, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai: Ngày 02/8/2023, T và đồng phạm cho bà Nguyễn Thị Thuỷ vay 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng) với hình thức trả góp mỗi ngày 250.000 đồng (Hai trăm năm mươi nghìn đồng) trong 25 ngày và tổng số tiền bà Thuỷ phải trả là 6.250.000 đồng (Sáu triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng), tương đương với lãi suất 31,58%/tháng. Khi vay, bà Thuỷ phải trả tiền phí 250.000 đồng (Hai trăm năm mươi nghìn đồng) và đóng tiền góp trước 02 ngày là 500.000 đồng (Năm trăm nghìn đồng) nên số tiền bà Thuỷ được nhận là 4.250.000 đồng (Bốn triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng). Tuy nhiên, bà Thuỷ mới trả góp được 13 ngày với tổng số tiền 3.250.000 đồng (Ba triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng) và còn nợ 3.000.000 đồng (Ba triệu đồng). Trong lần vay này số tiền thu lợi bất chính T và đồng phạm nhằm đạt được là 1.433.896 đồng (Một triệu bốn trăm ba mươi ba nghìn tám trăm chín mươi sáu đồng) nhưng chỉ mới thu lợi được 250.000 đồng (Hai trăm năm mươi nghìn đồng) tiền phí.

* Đối với bà Mai Ngọc D ngụ tại ấp 2, xã Phước Khánh, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai vay 03 lần, cụ thể như sau:

- Khoảng tháng 7/2023 (không rõ ngày), T và đồng phạm cho bà D vay 3.000.000 đồng (Ba triệu đồng) với hình thức trả góp mỗi ngày 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng) trong 25 ngày và tổng số tiền bà D phải trả là 3.750.000 đồng (Ba triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng), tương đương với lãi suất 31,58%/tháng. Khi vay, bà D phải trả tiền phí 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng) và trả tiền góp trước 02 ngày nên số tiền bà D được nhận là 2.550.000 đồng (Hai triệu năm trăm năm mươi nghìn đồng). Sau khi trả góp được 17 ngày tổng cộng 2.550.000 đồng (Hai triệu năm trăm năm mươi nghìn đồng), còn nợ 1.200.000 đồng (Một triệu hai trăm nghìn đồng) thì bà D không có khả năng trả nên bà D đã vay lần thứ 02, khi cho vay T đã trừ hết số tiền 1.200.000 đồng (Một triệu hai trăm nghìn đồng) bà D còn thiếu của lần vay thứ 01 nên lãi suất thực tế trong 17 ngày là 46,44%/tháng. Số tiền lãi hợp pháp với mức 1,67%/tháng T và đồng phạm hưởng trong 17 ngày là 26.970 đồng (Hai mươi sáu nghìn chín trăm bảy mươi đồng). Trong lần vay này số tiền T và đồng phạm thu lợi bất chính là 873.030 đồng (Tám trăm bảy mươi ba nghìn không trăm ba mươi đồng).

- Khoảng tháng 7/2023 (không rõ ngày), T và đồng phạm cho bà D vay lần 02 số tiền 3.000.000 đồng (Ba triệu đồng) với tiền phí, lãi suất và cách thức trả góp như lần 01. Khi vay bà D phải trả tiền còn thiếu của lần vay 01 là 1.200.000 đồng (Một triệu hai trăm nghìn đồng) nên bà D chỉ được nhận 1.350.000 đồng (Một triệu ba trăm năm mươi nghìn đồng). Sau khi trả góp được 17 ngày tổng cộng 2.550.000

đồng (Hai triệu năm trăm năm mươi nghìn đồng), còn nợ 1.200.000 đồng (Một triệu hai trăm nghìn đồng) thì bà D không có khả năng trả nên đã vay lần thứ 03, khi cho vay T đã trừ hết số tiền 1.200.000 đồng (Một triệu hai trăm nghìn đồng) bà D còn thiếu của lần vay thứ 02 nên lãi suất thực tế trong 17 ngày là 46,44%/tháng. Số tiền lãi hợp pháp với mức 1,67%/tháng T và đồng phạm hưởng trong 17 ngày là 26.970 đồng (Hai mươi sáu nghìn chín trăm bảy mươi đồng). Trong lần vay này số tiền T và đồng phạm đã thu lợi bất chính là 873.030 đồng (Tám trăm bảy mươi ba nghìn không trăm ba mươi đồng).

- Khoảng tháng 8/2023 (không rõ ngày), T và đồng phạm cho bà D vay lần 03 số tiền 3.000.000 đồng (Ba triệu đồng) với tiền phí, lãi suất và cách thức trả góp như lần 01. Khi vay bà D phải trả tiền còn thiếu của lần vay 02 là 1.200.000 đồng (Một triệu hai trăm nghìn đồng) nên bà D chỉ được nhận 1.350.000 đồng (Một triệu ba trăm năm mươi nghìn đồng). Tuy nhiên, bà D mới trả góp được 14 ngày với tổng số tiền 2.100.000 đồng (Hai triệu một trăm nghìn đồng) và còn nợ 1.650.000 đồng (Một triệu sáu trăm năm mươi nghìn đồng). Trong lần vay này số tiền thu lợi bất chính T và đồng phạm nhằm đạt được là 860.338 đồng (Tám trăm sáu mươi nghìn ba trăm ba mươi tám đồng) nhưng chỉ mới thu lợi được 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng) tiền phí.

* Đối với bà Hồ Thị L ngụ tại số 21, khu phố Bình Dương, phường Long Bình Tân, thành phố Biên Hoà vay 02 lần, cụ thể như sau:

- Ngày 25/7/2023, T và đồng phạm cho bà L vay 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng) với hình thức trả góp mỗi ngày 100.000 đồng (Một trăm nghìn đồng) trong 25 ngày và tổng số tiền bà L phải trả là 2.500.000 đồng (Hai triệu năm trăm nghìn đồng), tương đương với lãi suất 31,58%/tháng. Khi vay, bà L phải trả tiền phí 100.000 đồng (Một trăm nghìn đồng) và trả tiền góp trước 02 ngày là 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) nên số tiền bà L được nhận là 1.700.000 đồng (Một triệu bảy trăm nghìn đồng). Sau khi trả góp được 16 ngày tổng cộng 1.600.000 đồng (Một triệu sáu trăm nghìn đồng), còn nợ 900.000 đồng (Chín trăm nghìn đồng) thì bà L không có khả năng trả nên đến ngày 10/8/2023 bà L vay lần thứ 02, khi cho vay T đã trừ hết số tiền 900.000 đồng (Chín trăm nghìn đồng) bà L còn thiếu của lần vay thứ 01 nên lãi suất thực tế trong 15 ngày (từ 25/7/2023 đến 10/8/2023) là 52,63%/tháng. Số tiền lãi hợp pháp với mức 1,67%/tháng T và đồng phạm hưởng trong 15 ngày là 15.865 đồng (Mười lăm nghìn tám trăm sáu mươi lăm đồng). Trong lần vay này số tiền T và đồng phạm đã thu lợi bất chính là 584.135 đồng (Năm trăm tám mươi bốn nghìn một trăm ba mươi lăm đồng).

- Ngày 10/8/2023, T và đồng phạm cho bà L vay lần 02 số tiền 2.000.000 đồng (Ba triệu đồng) với tiền phí, lãi suất và cách thức trả góp như lần 01. Khi vay bà L phải trả tiền còn thiếu của lần vay 01 là 900.000 đồng (Chín trăm nghìn đồng) nên bà L chỉ được nhận 800.000 đồng (Tám trăm nghìn đồng). Tuy nhiên, bà L mới trả góp được 09 ngày với tổng số tiền 900.000 đồng (Chín trăm nghìn đồng) và còn nợ 1.600.000 đồng (Một triệu sáu trăm nghìn đồng). Trong lần vay này số tiền thu lợi bất chính T và đồng phạm nhằm đạt được là 573.559 đồng (Năm trăm bảy mươi

ba nghìn năm trăm năm mươi chín đồng) nhưng chỉ mới thu lợi được 100.000 đồng (Một trăm nghìn đồng) tiền phí.

* Đối với bà Nguyễn Thị Thu N ngụ tại số 17L, khu phố 10, phường An Bình, thành phố Biên Hoà vay 10 lần, cụ thể như sau:

- Ngày 15/3/2023, T và đồng phạm cho bà Nguyệt vay 3.000.000 đồng (Ba triệu đồng) với hình thức trả góp mỗi ngày 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng) trong 25 ngày và tổng số tiền bà D phải trả là 3.750.000 đồng (Ba triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng), tương đương với lãi suất 31,58%/tháng. Khi vay, bà Nguyệt phải trả tiền phí 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng) và trả tiền góp trước 02 ngày nên số tiền bà Nguyệt được nhận là 2.550.000 đồng (Hai triệu năm trăm năm mươi nghìn đồng). Sau khi trả góp được 15 ngày tổng cộng 2.250.000 đồng (Hai triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng), còn nợ 1.500.000 đồng (Một triệu năm trăm nghìn đồng) thì bà Nguyệt không có khả năng tiền trả nên đến ngày 01/4/2023 bà Nguyệt đã vay lần thứ 02, khi cho vay T đã trừ hết số tiền 1.500.000 đồng (Một triệu năm trăm nghìn đồng) bà Nguyệt còn thiếu của lần vay thứ 01 nên lãi suất thực tế trong 18 ngày (từ ngày 15/3/2023 đến ngày 01/4/2023) là 43,86%/tháng. Số tiền lãi hợp pháp với mức 1,67%/tháng T và đồng phạm hưởng trong 18 ngày là 28.557 đồng (Hai mươi tám nghìn năm trăm năm mươi bảy đồng). Trong lần vay này số tiền T và đồng phạm đã thu lợi bất chính là 871.443 đồng (Tám trăm bảy mươi một nghìn bốn trăm bốn mươi ba đồng).

- Ngày 01/4/2023, T và đồng phạm cho bà Nguyệt vay lần 02 số tiền 3.000.000 đồng (Ba triệu đồng) với tiền phí, lãi suất và cách thức trả góp như lần 01. Khi vay bà Nguyệt phải trả tiền còn thiếu của lần vay 01 là 1.500.000 đồng (Một triệu năm trăm nghìn đồng) nên bà Nguyệt chỉ được nhận 1.050.000 đồng (Một triệu không trăm năm mươi nghìn đồng). Sau khi trả góp được 16 ngày tổng cộng 2.400.000 đồng (Hai triệu bốn trăm nghìn đồng), còn nợ 1.350.000 đồng (Một triệu ba trăm năm mươi nghìn đồng) thì bà Nguyệt không có khả năng trả nên đến ngày 18/4/2023 bà Nguyệt đã vay lần thứ 03, khi cho vay T đã trừ hết số tiền 1.350.000 đồng (Một triệu ba trăm năm mươi nghìn đồng) bà Nguyệt còn thiếu của lần vay thứ 02 nên lãi suất thực tế trong 18 ngày (từ ngày 01/4/2023 đến ngày 18/4/2023) là 43,86%/tháng. Số tiền lãi hợp pháp với mức 1,67%/tháng T và đồng phạm hưởng trong 18 ngày là 28.557 đồng (Hai mươi tám nghìn năm trăm năm mươi bảy đồng). Trong lần vay này số tiền T và đồng phạm đã thu lợi bất chính là 871.443 đồng (Tám trăm bảy mươi một nghìn bốn trăm bốn mươi ba đồng).

- Ngày 18/4/2023, T và đồng phạm cho bà Nguyệt vay lần 03 số tiền 3.000.000 đồng (Ba triệu đồng) với tiền phí, lãi suất và cách thức trả góp như lần 01. Khi vay bà Nguyệt phải trả tiền còn thiếu của lần vay 02 là 1.350.000 đồng (Một triệu ba trăm năm mươi nghìn đồng) nên bà Nguyệt chỉ được nhận 1.200.000 đồng (Một triệu hai trăm nghìn đồng). Tuy nhiên, sau khi trả góp được 16 ngày tổng cộng 2.400.000 đồng (Hai triệu bốn trăm nghìn đồng), còn nợ 1.350.000 đồng (Một triệu ba trăm năm mươi nghìn đồng) thì bà Nguyệt không có khả năng trả nên đến ngày 05/5/2023 bà Nguyệt đã vay lần thứ 04, khi cho vay T đã trừ hết số tiền 1.350.000 đồng (Một triệu ba trăm năm mươi nghìn đồng) bà Nguyệt còn thiếu của

lần vay thứ 03 nên lãi suất thực tế trong 18 ngày (từ ngày 18/4/2023 đến ngày 05/5/2023) là 43,86%/tháng. Số tiền lãi hợp pháp với mức 1,67%/tháng T và đồng phạm hưởng trong 18 ngày là 28.557 đồng (Hai mươi tám nghìn năm trăm năm mươi bảy đồng). Trong lần vay này số tiền T và đồng phạm đã thu lợi bất chính là 871.443 đồng (Tám trăm bảy mươi một nghìn bốn trăm bốn mươi ba đồng).

- Ngày 05/5/2023, T và đồng phạm cho bà Nguyệt vay lần 04 số tiền 3.000.000 đồng (Ba triệu đồng) với tiền phí, lãi suất và cách thức trả góp như lần 01. Khi vay bà Nguyệt phải trả tiền còn thiếu của lần vay 03 là 1.350.000 đồng (Một triệu ba trăm năm mươi nghìn đồng) nên bà Nguyệt chỉ được nhận 1.200.000 đồng (Một triệu hai trăm nghìn đồng). Sau khi trả góp được 15 ngày tổng cộng 2.250.000 đồng (Hai triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng), còn nợ 1.500.000 đồng (Một triệu năm trăm nghìn đồng) thì bà Nguyệt không có khả năng trả nên đến ngày 21/5/2023 bà Nguyệt đã vay lần thứ 05, khi cho vay T đã trừ hết số tiền 1.500.000 đồng (Một triệu năm trăm nghìn đồng) bà Nguyệt còn thiếu của lần vay thứ 04 nên lãi suất thực tế trong 17 ngày (từ ngày 05/5/2023 đến ngày 21/5/2023) là 46,44%/tháng. Số tiền lãi hợp pháp với mức 1,67%/tháng T và đồng phạm hưởng trong 15 ngày là 26.970 đồng (Hai mươi sáu nghìn chín trăm bảy mươi đồng). Trong lần vay này số tiền T và đồng phạm đã thu lợi bất chính là 873.030 đồng (Tám trăm bảy mươi ba nghìn không trăm ba mươi đồng).

- Ngày 21/5/2023, T và đồng phạm cho bà Nguyệt vay lần 05 số tiền 3.000.000 đồng (Ba triệu đồng) với tiền phí, lãi suất và cách thức trả góp như lần 01. Khi vay bà Nguyệt phải trả tiền còn thiếu của lần vay 04 là 1.500.000 đồng (Một triệu năm trăm nghìn đồng) nên bà Nguyệt chỉ được nhận 1.050.000 đồng (Một triệu không trăm năm mươi nghìn đồng). Sau khi trả góp được 15 ngày tổng cộng 2.250.000 đồng (Hai triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng), còn nợ 1.500.000 đồng (Một triệu năm trăm nghìn đồng) thì bà Nguyệt không có khả năng trả nên đến ngày 06/6/2023 bà Nguyệt vay lần thứ 06, khi cho vay T đã trừ hết số tiền 1.500.000 đồng (Một triệu năm trăm nghìn đồng) bà Nguyệt còn thiếu của lần vay thứ 05 nên lãi suất thực tế trong 15 ngày (từ ngày 21/5/2023 đến ngày 06/6/2023) là 52,63%/tháng. Số tiền lãi hợp pháp với mức 1,67%/tháng T và đồng phạm hưởng trong 15 ngày là 23.797 đồng (Hai mươi ba nghìn bảy trăm chín mươi bảy đồng). Trong lần vay này số tiền T và đồng phạm đã thu lợi bất chính là 876.203 đồng (Tám trăm bảy mươi sáu nghìn hai trăm lẻ ba đồng).

- Ngày 06/6/2023, T và đồng phạm cho bà Nguyệt vay lần 06 số tiền 3.000.000 đồng (Ba triệu đồng) với tiền phí, lãi suất và cách thức trả góp như lần 01. Khi vay bà Nguyệt phải trả tiền còn thiếu của lần vay 05 là 1.500.000 đồng (Một triệu năm trăm nghìn đồng) nên bà Nguyệt chỉ được nhận 1.050.000 đồng (Một triệu không trăm năm mươi nghìn đồng). Sau khi trả góp được 15 ngày tổng cộng 2.250.000 đồng (Hai triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng) và còn nợ 1.500.000 đồng (Một triệu năm trăm nghìn đồng) thì bà Nguyệt không có khả năng trả nên đến ngày 22/6/2023 bà Nguyệt vay lần thứ 07, khi cho vay T đã trừ hết số tiền 1.500.000 đồng (Một triệu năm trăm nghìn đồng) bà Nguyệt còn thiếu của lần vay thứ 06 nên lãi suất thực tế trong 17 ngày (từ ngày 06/6/2023 đến ngày 22/6/2023) là 46,44%/tháng. Số tiền lãi hợp pháp với mức 1,67%/tháng T và đồng

phạm hưởng trong 17 ngày là 26.970 đồng (Hai mươi sáu nghìn chín trăm bảy mươi đồng). Trong lần vay này số tiền T và đồng phạm đã thu lợi bất chính là 873.030 đồng (Tám trăm bảy mươi ba nghìn không trăm ba mươi đồng).

- Ngày 22/6/2023, T và đồng phạm cho bà Nguyệt vay lần 07 số tiền 3.000.000 đồng (Ba triệu đồng) với tiền phí, lãi suất và cách thức trả góp như lần 01. Khi vay bà Nguyệt phải trả tiền còn thiếu của lần vay 06 là 1.500.000 đồng (Một triệu năm trăm nghìn đồng) nên bà Nguyệt chỉ được nhận 1.050.000 đồng (Một triệu không trăm năm mươi nghìn đồng). Sau khi trả góp được 15 ngày tổng cộng 2.250.000 đồng (Hai triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng), còn nợ 1.500.000 đồng (Một triệu năm trăm nghìn đồng) thì bà Nguyệt không có khả năng trả nên đến ngày 08/7/2023 bà Nguyệt đã vay lần thứ 08, khi cho vay T đã trừ hết số tiền 1.500.000 đồng (Một triệu năm trăm nghìn đồng) bà Nguyệt còn thiếu của lần vay thứ 07 nên lãi suất thực tế trong 17 ngày (từ ngày 22/6/2023 đến ngày 08/7/2023) là 46,44%/tháng. Số tiền lãi hợp pháp với mức 1,67%/tháng T và đồng phạm hưởng trong 17 ngày là 26.970 đồng (Hai mươi sáu nghìn chín trăm bảy mươi đồng). Trong lần vay này số tiền T và đồng phạm đã thu lợi bất chính là 873.030 đồng (Tám trăm bảy mươi ba nghìn không trăm ba mươi đồng).

- Ngày 08/7/2023, T và đồng phạm cho bà Nguyệt vay lần 08 số tiền 3.000.000 đồng (Ba triệu đồng) với tiền phí, lãi suất và cách thức trả góp như lần 01. Khi vay bà Nguyệt phải trả tiền còn thiếu của lần vay 07 là 1.500.000 đồng (Một triệu năm trăm nghìn đồng) nên bà Nguyệt chỉ được nhận 1.050.000 đồng (Một triệu không trăm năm mươi nghìn đồng). Sau khi trả góp được 13 ngày tổng cộng 1.950.000 đồng (Một triệu chín trăm năm mươi nghìn đồng), còn nợ 1.800.000 đồng (Một triệu tám trăm nghìn đồng) thì bà Nguyệt không có khả năng trả nên đến ngày 22/7/2023 bà Nguyệt đã vay lần thứ 09, khi cho vay T đã trừ hết số tiền 1.800.000 đồng (Một triệu tám trăm nghìn đồng) bà Nguyệt còn thiếu của lần vay thứ 08 nên lãi suất thực tế trong 15 ngày (từ ngày 08/7/2023 đến ngày 22/7/2023) là 52,63%/tháng. Số tiền lãi hợp pháp với mức 1,67%/tháng T và đồng phạm hưởng trong 15 ngày là 23.797 đồng (Hai mươi ba nghìn bảy trăm chín mươi bảy đồng). Trong lần vay này số tiền T và đồng phạm đã thu lợi bất chính là 876.203 đồng (Tám trăm bảy mươi sáu nghìn hai trăm lẻ ba đồng).

- Ngày 22/7/2023, T và đồng phạm cho bà Nguyệt vay lần 09 số tiền 3.000.000 đồng (Ba triệu đồng) với tiền phí, lãi suất và cách thức trả góp như lần 01. Khi vay bà Nguyệt phải trả tiền còn thiếu của lần vay 08 là 1.800.000 đồng (Một triệu tám trăm nghìn đồng) nên bà Nguyệt chỉ được nhận 750.000 đồng (Bảy trăm năm mươi nghìn đồng). Sau khi trả góp được 14 ngày tổng cộng 2.100.000 đồng (Hai triệu một trăm nghìn đồng), còn nợ 1.650.000 đồng (Một triệu sáu trăm năm mươi nghìn đồng) thì bà Nguyệt không có khả năng trả nên đến ngày 06/8/2023 bà Nguyệt đã vay lần thứ 10, khi cho vay T đã trừ hết số tiền 1.650.000 đồng (Một triệu sáu trăm năm mươi nghìn đồng) bà Nguyệt còn thiếu của lần vay thứ 09 nên lãi suất thực tế trong 16 ngày (từ ngày 22/7/2023 đến ngày 06/8/2023) là 52,63%/tháng. Số tiền lãi hợp pháp với mức 1,67%/tháng T và đồng phạm hưởng trong 16 ngày là 25.384 đồng (Hai mươi lăm nghìn ba trăm tám mươi bốn đồng).

Trong lần vay này số tiền T và đồng phạm đã thu lợi bất chính là 874.616 đồng (Tám trăm bảy mươi bốn nghìn sáu trăm mười sáu đồng).

- Ngày 06/8/2023, T và đồng phạm cho bà Nguyệt vay lần 10 số tiền 3.000.000 đồng (Ba triệu đồng) với tiền phí, lãi suất và cách thức trả góp như lần 01. Khi vay bà Nguyệt phải trả tiền còn thiếu của lần vay 09 là 1.650.000 đồng (Một triệu sáu trăm năm mươi nghìn đồng) nên bà Nguyệt chỉ được nhận 900.000 đồng (Chín trăm nghìn đồng). Tuy nhiên, bà Nguyệt mới trả góp được 16 ngày với tổng số tiền 2.400.000 đồng (Hai triệu bốn trăm nghìn đồng) và còn nợ 1.350.000 đồng (Một triệu ba trăm năm mươi nghìn đồng). Trong lần vay này số tiền thu lợi bất chính T và đồng phạm nhằm đạt được là 860.338 đồng (Tám trăm sáu mươi nghìn ba trăm ba mươi tám đồng) nhưng chỉ mới thu lợi được 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng) tiền phí.

Khoảng 17 giờ 45 phút ngày 15/8/2023, Nguyễn Văn C đi đến khu vực Quốc lộ 51 thuộc phường Long Bình Tân, thành phố Biên Hoà để thu tiền trả góp thì bị Đội Cảnh sát kinh tế Công an thành phố Biên Hoà kiểm tra và phát hiện trong 02 điện thoại di động của C có nhiều tin nhắn liên quan đến hoạt động cho vay lãi nặng nên đã đưa C về làm việc và lập hồ sơ xác minh. Ngày 16/8/2023, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Biên Hoà đã bắt, tạm giữ Mai Văn T, Nguyễn Văn C, Nguyễn Văn Th, Lê Anh T để điều tra, xử lý.

Quá trình điều tra đã xác định Mai Văn T và đồng phạm cho vay lãi nặng nhằm thu lợi bất chính 130.753.483 đồng (Một trăm ba mươi triệu bảy trăm năm mươi ba nghìn bốn trăm tám mươi ba đồng). Tuy nhiên, T và đồng phạm chỉ thu lợi bất chính được 112.758.263 đồng (Một trăm mười hai triệu bảy trăm năm mươi tám nghìn hai trăm sáu mươi ba đồng). Số tiền trên T và đồng phạm tiếp tục làm vốn để cho vay và cùng nhau tiêu xài thì bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Biên Hòa bắt giữ.

*Vật chứng của vụ án:

- 01 (một) điện thoại di động Samsung Galaxy A32, IMEI 1: 355870668027946, IMEI 2: 357848358027945 và 01 (một) xe mô tô hiệu Honda Wave, biển số 39F4-2328, số máy: 5612728, số khung: 149964 của bị cáo Mai Văn T sử dụng vào việc phạm tội;

- 01 (một) điện thoại Iphone XS Max, IMEI 1: 353098102989230, IMEI 2: 353098102806863 của bị cáo Nguyễn Văn Th sử dụng vào việc phạm tội;

- 01 (một) điện thoại Iphone 12 ProMax, IMEI 1: 355660529945042, IMEI 2: 355660529308670 và 01 (một) điện thoại Nokia 1280, Seri: 353300055009549 của bị cáo Lê Anh T sử dụng vào việc phạm tội;

- 01 (một) điện thoại Iphone 11 ProMax IMEI 1: 353903104837420, IMEI 2: 353903104885296 và 01 (một) điện thoại Nokia 105, IMEI 1: 357723105069237, IMEI 2: 357723105069245 của bị cáo Nguyễn Văn C sử dụng vào việc phạm tội;

- Số tiền 38.300.000 đồng (Ba mươi tám triệu ba trăm nghìn đồng) là tiền bị cáo Mai Văn T thu được từ hoạt động cho vay lãi nặng;

- 01 giấy vay tiền, 11 căn cước công dân, 12 chứng minh nhân dân, 01 giấy phép lái xe mô tô, 06 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, 01 thẻ bảo hiểm y tế, 01 giấy khai sinh, 01 giấy chứng nhận đăng ký kết hôn, 02 hộ chiếu, 03 sổ hộ khẩu là của những người vay tiền do Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Biên Hoà thu được tại chỗ ở của Mai Văn T. Hiện nay Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Biên Hoà chưa làm việc được với chủ sở hữu nên tiếp tục tạm giữ để xác minh, xử lý.

2. Truy tố.

- Tại Bản cáo trạng số: 05/CT-VKSBH ngày 12 tháng 12 năm 2023 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hoà, tỉnh Đồng Nai đã truy tố các bị cáo Mai Văn T, Nguyễn Văn Th, Nguyễn Văn C, Lê Anh T về tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”, quy định tại khoản 2 Điều 201 Bộ luật Hình sự.

- Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hoà phát biểu luận tội vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố các bị cáo Mai Văn T, Nguyễn Văn Th, Nguyễn Văn C, Lê Anh T phạm tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”. Áp dụng khoản 2 Điều 201, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 58 của Bộ luật hình sự đối với các bị cáo, áp dụng thêm điểm i khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự đối với các bị cáo Nguyễn Văn C, Nguyễn Văn Th, Lê Anh T; đề nghị xử phạt:

+ Bị cáo Mai Văn T mức án từ 08 (tám) tháng tù đến 10 (mười) tháng tù, phạt bổ sung từ 40 (bốn mươi) triệu đồng đến 50 (năm mươi) triệu đồng.

+ Bị cáo Nguyễn Văn Th mức án từ 08 (tám) tháng tù đến 10 (mười) tháng tù, phạt bổ sung từ 30 (ba mươi) triệu đồng đến 40 (bốn mươi) triệu đồng.

+ Bị cáo Nguyễn Văn C mức án 06 (sáu) tháng 25 (hai mươi lăm) ngày tù.

+ Bị cáo Lê Anh T mức án mức án 06 (sáu) tháng 25 (hai mươi lăm) ngày tù.

Xử lý vật chứng và buộc các bị cáo chịu án phí theo quy định.

3. Ý kiến của các bị cáo.

- Tại phiên tòa các bị cáo trình bày: các bị cáo thống nhất với hành vi phạm tội như cáo trạng đã truy tố, không có ý kiến gì. Các bị cáo không bị ép cung, nhục hình khi khai báo.

- Trong lời nói sau cùng: các bị cáo nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo để các bị cáo để sớm quay về với gia đình, có cơ hội sửa chữa bản thân, làm người có ích cho xã hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các T liệu trong hồ sơ vụ án đã được T tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tố tụng:

[1.1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố Biên Hòa, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự; các văn bản tố tụng được tổng đạt hợp lệ và đầy đủ. Quá trình điều tra, các bị cáo, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có ý kiến hoặc khiếu nại hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đều phù hợp.

[1.2] Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa gồm có bà Nguyễn Thị Thu H, bà Nguyễn Thị Lệ T, ông Trương Hoàng P, bà Hồ Thị L, bà Nguyễn Thị Thu N, ông Phạm Đình H có đơn xin vắng mặt; bà Nguyễn Thị Thuỷ, bà Trần Thị V, bà Mai Ngọc D vắng mặt không có lý do. Tuy nhiên, quá trình điều tra, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã có đầy đủ lời khai và không có yêu cầu gì. Xét thấy, việc vắng mặt những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không ảnh hưởng đến việc xét xử, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt họ theo quy định pháp luật.

[2] Về hành vi bị truy tố, tội danh và các tình tiết liên quan đến việc quyết định hình phạt:

- **Về tội danh:** Tại phiên tòa, các bị cáo đã thừa nhận hành vi phạm tội, lời khai của các bị cáo phù hợp với các T liệu có tại hồ sơ như: biên bản sự việc, biên bản nhận dạng, biên bản khám xét, biên bản trích xuất dữ liệu điện tử, lời khai của các bị cáo, lời khai của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Đã có đủ cơ sở kết luận:

Từ tháng 03/2023 đến ngày 16/8/2023, Mai Văn T, Nguyễn Văn C, Nguyễn Văn Th, Lê Anh T đã có hành vi cho 09 người gồm: bà Nguyễn Thị Thu H, ông Trương Hoàng P, bà Trần Thị V, bà Nguyễn Thị Lệ T, ông Phạm Đình H, bà Nguyễn Thị Thuỷ, bà Mai Ngọc D, bà Hồ Thị L và bà Nguyễn Thị Thu N vay tiền tổng cộng 51 lần với lãi suất từ 31,58%/tháng đến 71,77%/tháng để nhằm thu lợi bất chính 130.753.483 đồng (Một trăm ba mươi triệu bảy trăm năm mươi ba nghìn bốn trăm tám mươi ba đồng) và thực tế đã thu lợi bất chính được 112.758.263 đồng (Một trăm mười hai triệu bảy trăm năm mươi tám nghìn hai trăm sáu mươi ba đồng). Đến ngày 16/8/2023, Mai Văn T, Nguyễn Văn C, Nguyễn Văn Th, Lê Anh T bị bắt giữ để điều tra, xử lý.

Hành vi của các bị cáo Mai Văn T, Nguyễn Văn Th, Nguyễn Văn C, Lê Anh T đã đủ yếu tố cấu thành tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”, quy định tại khoản 2 Điều 201 Bộ luật Hình sự

Theo khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự quy định: “ Lãi suất vay do các bên thỏa thuận. Trường hợp các bên có thỏa thuận về lãi suất thì lãi suất theo thỏa thuận không được vượt quá 20%/năm của khoản tiền vay...”. Theo khoản 1 Điều 201 Bộ luật hình sự quy định, lãi suất gấp 5 lần trở lên của mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật dân sự, thu lợi bất chính từ 30.000.000 đồng đến 100.000.000. Khoản 2 Điều 201 Bộ luật hình sự quy định: phạm tội mà thu lợi bất chính 100.000.000 đồng trở lên.

Như vậy, Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa đã truy tố các bị cáo là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

- Xét tính chất mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội và lỗi: Xét thấy, các bị cáo là người trưởng thành, có đầy đủ năng lực nhận thức và điều khiển hành vi. Bản thân các bị cáo biết rõ việc cho vay với lãi suất lãi nặng là vi phạm pháp luật nhưng vì mục đích tư lợi, các bị cáo vẫn cố ý thực hiện. Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm trật tự quản lý kinh tế của Nhà nước về tín dụng mà cụ thể là trật tự trong lĩnh vực kinh doanh tiền tệ, qua đó xâm phạm quyền, lợi ích hợp pháp của người vay, gây mất trật tự trị an tại địa phương. Vì vậy, cần xử phạt các bị cáo mức án nghiêm, tương xứng với tính chất, mức độ phạm tội để cải tạo, giáo dục bị cáo và có tác dụng răn đe, đấu T phòng ngừa chung.

- Xét vai trò của các bị cáo:

Bị cáo Mai Văn T có vai trò cầm đầu, quản lý hoạt động cho vay lãi nặng và trực tiếp hưởng lợi nên bị cáo chịu trách nhiệm cao nhất.

Bị cáo Nguyễn Văn Th cùng góp tiền với bị cáo T để cho vay nặng lãi và trực tiếp cùng hưởng lợi, trực tiếp tham gia giúp sức cho T và đồng phạm hoạt động cho vay nặng lãi nên bị cáo chịu trách nhiệm sau bị cáo T.

Bị cáo Nguyễn Văn C, bị cáo Lê Anh T: Là người giúp sức tích cực (trực tiếp đi phát tờ rơi, đi xác minh và giao dịch với những người vay tiền) cho hoạt động cho vay lãi nặng. Tuy không trực tiếp được chia lợi nhuận từ hoạt động cho vay lãi nặng nhưng các bị cáo cũng được bị cáo T, Th sử dụng tiền thu lợi bất chính để lo cho ăn, ở, sinh hoạt, bị cáo C còn được trả lương 7 triệu đồng/tháng.

- Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo tỏ thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên được áp dụng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Các bị cáo Nguyễn Văn C, Nguyễn Văn Th, Lê Anh T phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng nên được áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm i khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử xét thấy cần áp dụng mức hình phạt tương xứng với hành vi phạm tội của các bị cáo để giáo dục, răn đe đối với các bị cáo và phòng ngừa chung, đồng thời thể hiện tính nhân đạo, khoan hồng của pháp luật.

- Về hình phạt bổ sung: Xét thấy, các bị cáo Mai Văn T, Nguyễn Văn Th là người trực tiếp hưởng lợi từ việc cho vay lãi nặng nên xử phạt bổ sung bị cáo Mai Văn T 40.000.000 đồng, xử phạt bổ sung bị cáo Nguyễn Văn Th 30.000.000 đồng theo quy định tại khoản 3 Điều 201 của Bộ luật Hình sự và khoản 2 Điều 3 Nghị quyết số 01/2021/NQ-HĐTP, ngày 20/12/2021 của Hội đồng thẩm phán Tòa án

nhân dân tối cao. Các bị cáo Nguyễn Văn C, Lê Anh T không góp tiền, không được chia lợi, bản thân không có nghề nghiệp nên không áp dụng hình phạt bổ sung

[3] Về xử lý vật chứng và biện pháp tư pháp:

Căn cứ Điều 47 Bộ luật Hình sự, Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

- Tịch thu sung vào Ngân sách Nhà nước: 01 (một) điện thoại di động Samsung Galaxy A32, IMEI 1: 355870668027946, IMEI 2: 357848358027945 và 01 (một) xe mô tô hiệu Honda Wave, biển số 39F4-2328, số máy: 5612728, số khung: 149964 của bị cáo Mai Văn T sử dụng vào việc phạm tội; 01 (một) điện thoại Iphone XS Max, IMEI 1: 353098102989230, IMEI 2: 353098102806863 của bị cáo Nguyễn Văn Th sử dụng vào việc phạm tội; 01 (một) điện thoại Iphone 12 ProMax, IMEI 1: 355660529945042, IMEI 2: 355660529308670 và 01 (một) điện thoại Nokia 1280, Seri: 353300055009549 của bị cáo Lê Anh T sử dụng vào việc phạm tội; 01 (một) điện thoại Iphone 11 ProMax IMEI 1: 353903104837420, IMEI 2: 353903104885296 và 01 (một) điện thoại Nokia 105, IMEI 1: 357723105069237, IMEI 2: 357723105069245 của bị cáo Nguyễn Văn C sử dụng vào việc phạm tội;

+ Đối với số tiền 38.300.000 đồng (Ba mươi tám triệu ba trăm nghìn đồng) là số tiền các bị cáo có được từ việc phạm tội cần tịch thu sung vào Ngân sách Nhà nước;

- Đối với số tiền 3.241.737 đồng (Ba triệu hai trăm bốn mươi một nghìn bảy trăm ba mươi bảy đồng) là số tiền lãi tương ứng 20%/năm phát sinh từ hành vi phạm tội của các bị cáo nên cần buộc các bị cáo Mai Văn T, Nguyễn Văn C, Nguyễn Văn Th, Lê Anh T nộp lại để sung vào Ngân sách Nhà nước .

- Đối với số tiền 1.200.000 đồng (Một triệu hai trăm nghìn đồng) là phương tiện phạm tội cần buộc các bị cáo Mai Văn T, Nguyễn Văn C, Nguyễn Văn Th, Lê Anh T nộp lại để sung vào Ngân sách Nhà nước.

- Đối với số tiền các bị cáo đã thu lợi bất chính của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: cần buộc các bị cáo Mai Văn T, Nguyễn Văn C, Nguyễn Văn Th, Lê Anh T phải trả lại cho những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan gồm: ông Trương Hoàng P 9.299.045 đồng (Chín triệu hai trăm chín mươi chín nghìn không trăm bốn mươi lăm đồng) , bà Nguyễn Thị Thu H 60.126.485 đồng (Sáu mươi triệu một trăm hai mươi sáu nghìn bốn trăm tám mươi lăm đồng), bà Hồ Thị L 684.135 đồng (Sáu trăm tám mươi bốn nghìn một trăm ba mươi lăm đồng), bà Nguyễn Thị Thu N 8.010.441 đồng (Tám triệu không trăm mười nghìn bốn trăm bốn mươi một đồng ông Phạm Đình H 11.771.646 đồng (Mười một triệu bảy trăm bảy mươi một nghìn sáu trăm bốn mươi sáu đồng), bà Trần Thị V 5.648.805 đồng (Năm triệu sáu trăm bốn mươi tám nghìn tám trăm lẻ năm đồng), cho bà Nguyễn Thị Lệ T 15.071.646 đồng (Mười lăm triệu không trăm bảy mươi một nghìn sáu trăm bốn mươi sáu đồng), bà Mai Ngọc D 1.896.060 đồng (Một triệu tám trăm chín mươi sáu nghìn không trăm sáu mươi đồng), bà Nguyễn Thị Thuỷ 250.000 đồng (Hai trăm năm mươi nghìn đồng)

- Đối với số tiền gốc 38.800.000 đồng được các bị cáo cho vay là phương tiện để các bị cáo thực hiện hành vi phạm tội, hiện số tiền này những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vẫn chưa trả nên cần buộc những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan phải nộp lại để sung vào Ngân sách Nhà nước, cụ thể: Buộc ông Trương

Hoàng P phải nộp lại số tiền 4.000.000 đồng (Bốn triệu đồng); Buộc bà Nguyễn Thị Thu H phải nộp lại số tiền 26.250.000 đồng (Hai mươi sáu triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng); Buộc bà Hồ Thị L phải nộp lại số tiền 1.100.000 đồng (Một triệu một trăm nghìn đồng); Buộc bà Nguyễn Thị Thu N phải nộp lại số tiền 600.000 đồng (Sáu trăm nghìn đồng); Buộc ông Phạm Đình H phải nộp lại số tiền 1.400.000 đồng (Một triệu bốn trăm nghìn đồng); Buộc bà Trần Thị V phải nộp lại số tiền 800.000 đồng (Tám trăm nghìn đồng); Buộc bà Nguyễn Thị Lệ T phải nộp lại số tiền 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng); Buộc bà Mai Ngọc D phải nộp lại số tiền 900.000 đồng (Chín trăm nghìn đồng); Buộc bà Nguyễn Thị Thuỷ phải nộp lại số tiền 1.750.000 đồng (Một triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng).

- Tiếp tục tạm giữ để xác minh, xử lý: 01 giấy vay tiền, 11 căn cước công dân, 12 chứng minh nhân dân, 01 giấy phép lái xe mô tô, 06 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, 01 thẻ bảo hiểm y tế, 01 giấy khai sinh, 01 giấy chứng nhận đăng ký kết hôn, 02 hộ chiếu, 03 sổ hộ khẩu là của những người vay tiền do Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Biên Hoà thu được tại chỗ ở của Mai Văn T do hiện nay chưa làm việc được với chủ sở hữu.

[4] Về các vấn đề khác:

Đối với những người đã vay tiền của các bị cáo Mai Văn T, Nguyễn Văn C, Nguyễn Văn Th, Lê Anh T hiện chưa xác minh và làm việc được, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Biên Hoà sẽ tiếp tục điều tra, xác minh và xử lý sau

[5] Về án phí: Căn cứ Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án: các bị cáo mỗi người phải chịu 200.000 đồng (hai trăm ngàn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

[6] Quan điểm và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hoà có căn cứ và phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2, khoản 3 Điều 201; điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 58 Bộ luật Hình sự đối với Mai Văn T;

Căn cứ khoản 2, khoản 3 Điều 201; điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 58 Bộ luật Hình sự đối với Nguyễn Văn Th;

Căn cứ khoản 2, Điều 201; điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 58 Bộ luật Hình sự đối với Nguyễn Văn C, Lê Anh T;

Căn cứ Nghị quyết số: 01/2021/NQ-HĐTP ngày 20/12/2021 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao.

1. Tuyên bố các bị cáo Mai Văn T, Nguyễn Văn Th, Nguyễn Văn C, Lê Anh T phạm tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”.

Xử phạt:

+ Mai Văn T 08 (tám) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bị tạm giữ 16/8/2023.

+ Nguyễn Văn Th 08 (tám) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bị tạm giữ 16/8/2023.

+ Nguyễn Văn C: 06 (sáu) tháng 25 (hai mươi lăm) ngày tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bị tạm giữ 16/8/2023.

+ Lê Anh T: 06 (sáu) tháng 25 (hai mươi lăm) ngày tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bị tạm giữ 16/8/2023.

Trả tự do tại phiên tòa cho bị cáo Nguyễn Văn C, Lê Anh T nếu bị cáo không bị tạm giam về một tội phạm khác.

Về hình phạt bổ sung:

Phạt tiền bị cáo Mai Văn T 40.000.000 (bốn mươi triệu) đồng để sung vào ngân sách Nhà nước;

Phạt tiền bị cáo Nguyễn Văn Th 30.000.000 (ba mươi triệu) đồng để sung vào ngân sách Nhà nước.

2. Về xử lý vật chứng và biện pháp tư pháp: Căn cứ Điều 46, Điều 47, Điều 48 Bộ luật Hình sự và Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

- Tịch thu sung vào Ngân sách Nhà nước: 01 (một) điện thoại di động Samsung Galaxy A32, IMEI 1: 355870668027946, IMEI 2: 357848358027945 và 01 (một) xe mô tô hiệu Honda Wave, biển số 39F4-2328, số máy: 5612728, số khung: 149964 của bị cáo Mai Văn T; 01 (một) điện thoại Iphone XS Max, IMEI 1: 353098102989230, IMEI 2: 353098102806863 của bị cáo Nguyễn Văn Th; 01 (một) điện thoại Iphone 12 ProMax, IMEI 1: 355660529945042, IMEI 2: 355660529308670 và 01 (một) điện thoại Nokia 1280, Seri: 353300055009549 của bị cáo Lê Anh T; 01 (một) điện thoại Iphone 11 ProMax IMEI 1: 353903104837420, IMEI 2: 353903104885296 và 01 (một) điện thoại Nokia 105, IMEI 1: 357723105069237, IMEI 2: 357723105069245 của bị cáo Nguyễn Văn C;

(Theo Biên bản giao nhận vật chứng, T sản ngày 23/01/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Biên Hoà, tỉnh Đồng Nai).

- Tịch thu sung vào Ngân sách Nhà nước 38.300.000 đồng (Ba mươi tám triệu ba trăm nghìn đồng) là số tiền các bị cáo có được từ việc phạm tội *(Theo Biên lai thu tiền số 0002653 ngày 24/01/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Biên Hoà, tỉnh Đồng Nai).*

- Buộc các bị cáo Mai Văn T, Nguyễn Văn Th, Nguyễn Văn C, Lê Anh T liên đới nộp lại số tiền 3.241.737 đồng (Ba triệu hai trăm bốn mươi một nghìn bảy trăm ba mươi bảy đồng) là số tiền lãi tương ứng 20%/năm phát sinh từ hành vi phạm tội để sung vào Ngân sách Nhà nước

- Buộc các bị cáo Mai Văn T, Nguyễn Văn Th, Nguyễn Văn C, Lê Anh T liên đới nộp lại số tiền 1.200.000 đồng (Một triệu hai trăm nghìn đồng) là phương tiện phạm tội để sung vào Ngân sách Nhà nước.

- Buộc các bị cáo Mai Văn T, Nguyễn Văn Th, Nguyễn Văn C, Lê Anh T phải liên đới trả lại cho những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan số tiền đã thu lợi bất chính là 112.758 263 đồng (một trăm mười hai triệu bảy trăm năm mươi tám nghìn hai trăm sáu mươi ba đồng), cụ thể như sau:

+ Trả lại cho ông Trương Hoàng P 9.299.045 đồng (Chín triệu hai trăm chín mươi chín nghìn không trăm bốn mươi lăm đồng)

+ Trả lại cho bà Nguyễn Thị Thu H 60.126.485 đồng (Sáu mươi triệu một trăm hai mươi sáu nghìn bốn trăm tám mươi lăm đồng).

+ Trả lại cho bà Hồ Thị L 684.135 đồng (Sáu trăm tám mươi bốn nghìn một trăm ba mươi lăm đồng).

+ Trả lại cho bà Nguyễn Thị Thu N 8.010.441 đồng (Tám triệu không trăm mười nghìn bốn trăm bốn mươi một đồng)

+ Trả lại cho ông Phạm Đình H 11.771.646 đồng (Mười một triệu bảy trăm bảy mươi một nghìn sáu trăm bốn mươi sáu đồng)

+ Trả lại cho bà Trần Thị V 5.648.805 đồng (Năm triệu sáu trăm bốn mươi tám nghìn tám trăm lẻ năm đồng)

+ Trả lại cho bà Nguyễn Thị Lệ T 15.071.646 đồng (Mười lăm triệu không trăm bảy mươi một nghìn sáu trăm bốn mươi sáu đồng).

+ Trả lại cho bà Mai Ngọc D 1.896.060 đồng (Một triệu tám trăm chín mươi sáu nghìn không trăm sáu mươi đồng)

+ Trả lại cho bà Nguyễn Thị Thủy 250.000 đồng (Hai trăm năm mươi nghìn đồng).

- Buộc những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan phải nộp lại số tiền gốc 38.800.000 đồng đã vay của các bị cáo T, Th, C, T nhưng chưa trả, là phương tiện phạm tội để sung vào Ngân sách Nhà nước, cụ thể:

+ Buộc ông Trương Hoàng P phải nộp lại số tiền 4.000.000 đồng (Bốn triệu đồng) để sung vào Ngân sách Nhà nước.

+ Buộc bà Nguyễn Thị Thu H phải nộp lại số tiền 26.250.000 đồng (Hai mươi sáu triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng) để sung vào Ngân sách Nhà nước.

+ Buộc bà Hồ Thị L phải nộp lại số tiền 1.100.000 đồng (Một triệu một trăm nghìn đồng) để sung vào Ngân sách Nhà nước.

+ Buộc bà Nguyễn Thị Thu N phải nộp lại số tiền 600.000 đồng (Sáu trăm nghìn đồng) để sung vào Ngân sách Nhà nước.

+ Buộc ông Phạm Đình H phải nộp lại số tiền 1.400.000 đồng (Một triệu bốn trăm nghìn đồng) để sung vào Ngân sách Nhà nước.

+ Buộc bà Trần Thị V phải nộp lại số tiền 800.000 đồng (Tám trăm nghìn đồng) để sung vào Ngân sách Nhà nước.

+ Buộc bà Nguyễn Thị Lệ T phải nộp lại số tiền 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng) để sung vào Ngân sách Nhà nước.

+ Buộc bà Mai Ngọc D phải nộp lại số tiền 900.000 đồng (Chín trăm nghìn đồng) để sung vào Ngân sách Nhà nước.

+ Buộc bà Nguyễn Thị Th phải nộp lại số tiền 1.750.000 đồng (Một triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng) để sung vào Ngân sách Nhà nước.

Kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong khoản tiền phải thi hành án, hàng tháng các bị cáo Mai Văn T, Nguyễn Văn Th, Nguyễn Văn C, Lê Anh T còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Về án phí hình sự sơ thẩm: Áp dụng Điều 136 Bộ luật Tố tụng Hình sự; Nghị quyết số: 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án

Các bị cáo Mai Văn T, Nguyễn Văn Th, Nguyễn Văn C, Lê Anh T mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng (hai trăm ngàn đồng) án phí.

4. Quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 331, 333 của Bộ luật Tố tụng Hình sự.

Các bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa (bà Nguyễn Thị Thu N) được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- VKSND thành phố Biên Hòa;
- Chi cục THADS thành phố Biên Hòa;
- Cơ quan Thi hành án hình sự TP.Biên Hòa
- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- Sở tư pháp tỉnh Đồng Nai;
- Bị cáo;
- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan;
- Lưu hồ sơ, văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Tám

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Các Hội thẩm nhân dân **Thẩm phán**

